|  |  |
| --- | --- |
|  SỞ DG & ĐT QUẢNG NAM **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN** *(Đề thi có \_\_02\_ trang)* | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: ĐỊA LÍ 10**  *Thời gian làm bài: 45 (không kể thời gian phát đề)* |
| Họ và tên: .............................................................Lớp: 10/… | Số báo danh: ............. |  |

 **ĐỀ: 101**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 3 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em sinh ra còn sống trong năm so với dân số trung bình ở

**A**.lúc đầu năm. **B.** vào giữa năm. **C.** cùng thời điểm. **D**. vào cuối năm.

**Câu 2.** Tỉ số gia tăng dân số cơ học là

**A**. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử. **B**. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.

**C.** hiệu số giữa tỉ suất xuất cư và nhập cư. **D**. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

**Câu 3.** Khu vực có mật độ dân số cao nhất thế giới hiện nay là

**A.** Tây Âu. **B**. Đông Á. **C.** Ca-ri-bê. **D**. Nam Âu.

**Câu 4.** Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quan trọng nhất đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

**A.** Tự nhiện - sinh học. **B**. Phát triển kinh tế - xã hội. **C.** Phong tục tập quán. **D**. Tâm lí xã hội.

**Câu 5.** Trong các căn cứ sau đây căn cứ nào để phân loại nguồn lực?

**A.** Vai trò và thuộc tính. **B.** Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.

**C.** Mức độ ảnh hưởng. **D.** Thời gian và công dụng.

**Câu 6.** Cơ cấu nền kinh tế bao gồm

**A.** Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.

**B.** Toàn cầu và khu vực, quốc gia, vùng.

**C.** Ngành kinh tế, thành phần kinh tế, cấu lãnh thổ.

**D.** Khu vực kinh tế trong nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 7.** Cơ cấu kinh tế nào sau đây được hình thành dựa trên chế độ sở hữu?

**A.** cơ cấu lãnh thổ. **B.** cơ cấu ngành kinh tế. **C.** cơ cấu thành phần kinh tế. **D.** cơ cấu lao động.

**Câu 8.** Nhân tố ảnh hưởng sâu sắc nhất đến tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp là

**A.** đất đai. **B.** khí hậu. **C.** địa hình. **D.** sinh vật.

**Câu 9.** Nhân tố tạo ra nhiều giống mới, tăng năng suất, chất lượng nông nghiệp là

**A.** dân cư – lao động. **B.** khoa học – công nghệ.

**C.** địa hình, đất trồng. **D.** cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.

**Câu 10:** Vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là

**A**. khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên. **B.** khai thác hiệu quả nguồn lực phát triển kinh tế.

**C**. sản xuất khối lượng của cải vật chất rất lớn. **D**. thúc đẩy sự phát triển nhiều ngành kinh tế khác.

**Câu 11:** Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có đặc điểm

**A**. có tính chất tập trung cao độ. **B.** là ngành sản xuất phi vật chất.

**C.** phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên. **D.** cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế.

**Câu 12:** Cây cà phê thích hợp nhất đất nào sau đây?

**A.** Phù sa mới. **B.** Đất đen. **C.** Đất ba dan. **D.** Phù sa cổ.

**PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu: **Quy mô dân số thế giới, giai đoạn 1950 – 2050**

***(Đơn vị: tỉ người)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Khu vực** | **1950** | **2000** | **2020** | **2050****(dự báo)** |
| Toàn thế giới | 2,5 | 6,2 | 7,8 | 9,7 |
| Các nước phát triển | 0,8 | 1,2 | 1,3 | 1,3 |
| Các nước đang phát triển | 1,7 | 5,0 | 6,5 | 8,4 |

**a)** Dân số thế giới ngày càng giảm.

**b)** Dân số thế giới biến động giống nhau giữa các khu vực.

**c)** Dân số thế giới tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển.

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số thế giới, giai đoạn 1950 – 2050

**Câu 2:** Sự phát triển kinh tế-xã hội phụ thuộc các nguồn lực phát triển kinh tế.Nguồn lực phát triển kinh tế rất đa dạng.Có nguồn lực trong nước và nguồn lực từ bên ngoài lãnh thổ.

 **a)** Nguồn lực bên trong lãnh thổ gồm vị trí,tự nhiên ,kinh tế xã hội trong nước.

 **b)** Nguồn lực bên ngoài lãnh thổ gồm :vốn,nhân lực ,thị trường,khoa học –công nghệ từ bên ngoài lãnh thổ.

 **c)** Tài nguyên thiên nhiên một quốc gia là nguồn lực bên ngoài .

 **d)** Nhập khẩu công nghệ cao từ nước ngoài là nguồn lực trong nước.

**PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1. Cho bảng số liệu Diện tích và dân số của một số tỉnh Hà Tĩnh năm 2021**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỉnh/thành phố** | **Hà Tĩnh** |
| Diện tích (Km2) | 5494 |
| Dân số (nghìn người) | 1314 |

 Tính mật độ dân số tỉnh Hà Tĩnh năm 2021.

 *(Làm tròn số liệu đến hàng đơn vị của Người/Km2).*

 **Câu 2. Cho bảng số liệu: Tổng số dân và số dân nông thôn của thế giới năm 2020** *(Đơn vị: Triệu người)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm** | **2020** |
| Tổng số dân | 7795 |
| Nông thôn | 3416 |

 Tính tỉ lệ dân cư nông thôn của thế giới năm 2020.

*(Làm tròn số liệu đến hàng đơn vị của %).*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước và số dân của Việt Nam năm 2022

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng sản phẩm trong nước (Triệu USD)** | **Số dân (Triệu người)** |
| 366 460 | 99, 4 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tổng sản phẩm bình quân đầu người của Việt Nam năm 2022 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/ người).*

**Câu 4.** Năm 2021, nước ta có khoảng 7221,4 nghìn ha trồng lúa với sản lượng đạt khoảng 36 triệu tấn. Vậy năng suất lúa của nước ta là bao nhiêu?

**PHẦN IV. TỰ LUẬN ( 3 ĐIỂM )**

**Câu 1:** Hãy phân tích các nhân tố **tự nhiên** ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

**Câu 2:** Tại sao cây chè được trồng nhiều ở miền cận nhiệt đới ?

………………………………………………………………………………….HẾT…………………………………………………………………………………………..